TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẦU KÈ** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16-8-2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẦU KÈ TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lâm Thành Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đặng Lễ Nghi;

Ông Nguyễn Văn Xem.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Đức Trọn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè tham gia phiên tòa: Ông Thạch Săm Át - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 38/2024/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2024, về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 29 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Chu Thị Thu V, sinh năm 2000 (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh T.

Chỗ ở hiện nay: 384/115/40C, L, phường 10, quận 10, thành phố H.

Bị đơn: Anh Đàm Văn L, sinh năm 1995 (vắng mặt, có yêu cầu xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp K, xã T, huyện C, tỉnh T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 3 năm 2024, Đơn thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện ngày 03 tháng 6 năm 2024, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án chị Chu Thị Thu V là nguyên đơn trình bày: Chị và anh Đàm Văn L bắt đầu chung sống vào năm 2019, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thông Hòa, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh, trong quá trình chung sống không có con chung,

nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn là do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nên không duy trì được hạnh phúc đã ly thân nhau từ tháng 3/2020 cho đến nay.

Nay chị V xác định vợ chồng không còn hạnh phúc nên yêu cầu ly hôn với anh Đàm Văn L.

Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Chị V không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Chị V khai không có nợ chung.

Anh Đàm Văn L là bị đơn có lời khai trình bày:

Anh và chị Chu Thị Thu V bắt đầu chung sống vào năm 2019 có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thông Hòa, trong quá trình chung sống không có con chung.

Nay chị V yêu cầu ly hôn anh L cũng đồng ý ly hôn với chị V.

- Về con chung: Không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Anh L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh L khai không có nợ chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cầu Kè phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ trên cơ sở các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử:

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Chu Thị Thu V và anh Đàm Văn L;

Về con chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết;

Về tài sản chung: Chị Chu Thị Thu V và anh Đàm Văn L không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét;

Về nợ chung: Chị Chu Thị Thu V và anh Đàm Văn L thống nhất không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét

Về án phí: Buộc chị Chu Thị Thu V phải chịu án phí theo quy định pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là "Ly hôn" và bị đơn cư trú tại ấp Kinh Xuôi, xã Thông Hòa, huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè theo khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Đàm Văn L hợp lệ nhưng chị Chu Thị Thu V là nguyên đơn và anh Đàm Văn L là bị đơn vắng mặt và có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử nghĩ nên áp dụng Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt chị Chu Thị Thu V và anh Đàm Văn L.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Chu Thị Thu V và anh Đàm Văn L kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nguyên nhân mâu thuẫn của chị V và anh L là bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cự cãi nhau, chung sống với nhau không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, nên đã ly thân nhau từ tháng 3/2020 cho đến nay, Tòa án nhân dân huyện Cầu Kè tiến hành xác minh bà Nguyễn Thị Bé Hai là mẹ ruột của anh L và ông Nguyễn Văn Tiếp là công an viên phụ trách địa bàn ấp Kinh Xuôi, xã Thông Hòa đều xác nhận trong thời gian chung sống chị V, anh L chung sống không hạnh phúc, cãi nhau dẫn đến đánh nhau nên đã ly thân nhau từ năm 2020 cho đến nay, xét thấy mâu thuẫn giữa chị Chu Thị Thu V và anh Đàm Văn L là có thật, hai người không tự giải quyết được với nhau, chứng minh cuộc sống vợ chồng đã xảy ra trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cho nên chị Chu Thị Thu V yêu cầu ly hôn, mặc khác anh Đàm Văn L cũng đồng ý ly hôn với chị Chu Thị Thu V. Do đó, Hội đồng xét xử nghĩ nên áp dụng Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 để công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Chu Thị Thu V và anh Đàm Văn L.

[4] Về con chung: Chị Chu Thị Thu V và anh Đàm Văn L khai không có không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về chia tài sản: Chị Chu Thị Thu V và anh Đàm Văn L khai không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về nợ chung: Chị Chu Thị Thu V và anh Đàm Văn L khai không có, không tranh chấp, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Chị Chu Thị Thu V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa hôm nay về việc giải quyết vụ án là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[9] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; 147 Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 55 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Chu Thị Thu V và anh Đàm Văn L;

Về con chung: Chị Chu Thị Thu V và anh Đàm Văn L khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về chia tài sản chung: Chị Chu Thị Thu V không tranh chấp với anh Đàm Văn L nên Tòa không xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Chu Thị Thu V không tranh chấp với anh Đàm Văn L nên Tòa không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Chu Thị Thu V phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền là 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0000832 ngày 15/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cầu Kè, tỉnh Trà Vinh. Chị Chu Thị Thu V đã nộp đủ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Về Quyền kháng cáo: Chị Chu Thị Thu V và anh Đàm Văn L vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Cầu Kè;
- CC.THA-DS huyện Cầu Kè;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lâm Thành Tú